

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	284	5,680,000
Được chi trong ngày					5,680,000
Đã chi trong ngày					5,680,000
1. Dịch vụ					426,000
1	chất đốt		1,500	284	426,000
2. Kho					1,174,830
Ăn chính					1,174,830
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	25.9	401,450
2	Dầu lạc	Kg	120,000	1	120,000
3	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.5	37,000
4	Lạc hạt	Kg	80,000	5	400,000
5	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
6	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.49	30,380
7	Dầu simply	Lít	68,000	2.5	170,000
3. Đi chợ					4,079,170
Ăn chính					4,079,170
1	Bí đao (bí xanh)	Kg	15,000	15.2	228,000
2	Cà chua	Kg	15,000	1	15,000
3	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.2	7,000
4	Rau mùi tàu	Kg	1,000	0.97	970
5	Rau mồng tơi	Kg	20,000	7	140,000
6	Chuối tiêu	Quả	1,300	284	369,200
7	Cá thu	Kg	230,000	10.3	2,369,000
8	Tôm biển	Kg	170,000	2	340,000
9	Trứng gà	Quả	4,100	50	205,000
10	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
11	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	2.5	325,000
12	Bầu xanh	Kg	15,000	3	45,000
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo